UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 34/2018/QĐ-UBND	*Nghệ An, ngày 06 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định về tiêu chí phân loại xóm, khối, bản trên địa bàn tỉnh Nghệ An

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ: Số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; số 09/2017/TT-BNV ngày 29/12/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 133/TTr-SNV ngày 31/7/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh.

Quyết định này quy định về phân loại, tiêu chí phân loại, cách thức tính điểm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục phân loại và điều chỉnh phân loại xóm, khối, bản trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng.

a) Các xóm, khối, bản thuộc các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến phân loại tiêu chí xóm, khối, bản trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Phân loại và tiêu chí xóm, khối, bản.

1. Xóm, khối, bản được phân thành ba loại chính như sau:

a) Xóm, khối, bản loại 1;

b) Xóm, khối, bản loại 2;

c) Xóm, khối, bản loại 3.

2. Tiêu chí phân loại.

a) Quy mô số hộ gia đình;

b) Các yếu tố đặc thù.

Điều 3. Cách thức tính điểm, khung điểm phân loại.

1. Cách thức tính điểm.

a) Đối với xóm, khối, bản ở miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa;

- Số hộ gia đình: Từ 200 hộ trở xuống được tính 85 điểm; từ 201 hộ trở lên, cứ tăng 10 hộ được tính thêm 01 điểm;

b) Đối với khối thuộc phường ở miền núi;

- Số hộ gia đình: Từ 300 hộ trở xuống được tính 85 điểm; từ 301 hộ trở lên, cứ tăng 10 hộ được tính thêm 01 điểm;

c) Đối với xóm đồng bằng;

- Số hộ gia đình: Từ 400 hộ trở xuống được tính 85 điểm; từ 401 hộ trở lên, cứ tăng 10 hộ được tính thêm 01 điểm.

d) Đối với khối thuộc phường ở đồng bằng;

- Số hộ gia đình: Từ 500 hộ trở xuống được tính 85 điểm; từ 501 hộ trở lên, cứ tăng 10 hộ được tính thêm 01 điểm.

e) Các yếu tố đặc thù;

- Các xóm, bản biên giới được xếp loại 1;

- Xóm, khối, bản có tỷ lệ hộ gia đình người dân tộc thiểu số chiếm từ 15% đến 30% được tính thêm 05 điểm; trên 30% đến 50% được tính thêm 10 điểm; trên 50% được tính thêm 15 điểm; xóm, khối, bản cách xa trung tâm đơn vị hành chính cấp xã từ 03 km trở lên được tính 05 điểm;

- Xóm, khối, bản có tỷ lệ hộ gia đình tín đồ tôn giáo chiếm 15% đến 30% được tính thêm 05 điểm; trên 30% đến 50% được tính thêm 10 điểm; trên 50% được tính 15 điểm; xóm bãi ngang ven biển được tính thêm 05 điểm.

2. Khung điểm phân loại: Căn cứ vào tổng điểm các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này để phân loại xóm, khối, bản như sau.

a) Xóm, khối, bản loại 1 có từ 100 điểm trở lên;

b) Xóm, khối, bản loại 2 có từ 86 đến 99 điểm;

c) Xóm, khối, bản loại 3 có từ 85 điểm trở xuống.

Điều 4. Thẩm quyền, trình tự và hồ sơ phân loại xóm, khối, bản.

1. Thẩm quyền.

Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định phân loại xóm, khối, bản.

2. Quy trình phân loại.

a) Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn lập hồ sơ phân loại xóm, khối, bản, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, thông qua Nghị quyết gửi hồ sơ về Uỷ ban nhân dân cấp huyện (qua phòng Nội vụ). Thời gian lập hồ sơ 15 ngày.

b) Phòng Nội vụ giúp Uỷ ban nhân dân cấp huyện kiểm tra hồ sơ phân loại của Uỷ ban nhân dân cấp xã để trình Sở Nội vụ thẩm định. Thời gian kiểm tra hồ sơ 10 ngày.

c) Sở Nội vụ tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phân loại xóm, khối, bản. Thời gian thẩm định hồ sơ 7 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ).

3. Hồ sơ phân loại.

a) Tờ trình của Uỷ ban nhân dân cấp huyện;

b) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã;

c) Trích lục bản đồ ranh giới của xóm, khối, bản (đối với xóm, khối, bản biên giới và vùng bãi ngang ven biển);

d) Bảng thống kê về số hộ gia đình, nhân khẩu; các yếu tố đặc thù (có xác nhận của cơ quan chức năng).

4. Điều chỉnh việc phân loại xóm, khối, bản.

a) Sau 5 năm kể từ ngày quyết định phân loại xóm, khối, bản có hiệu lực thi hành; nếu xóm, khối, bản có thay đổi về số hộ gia đình, nhân khẩu thì cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh phân loại xóm, khối, bản;

b) Đối với xóm, khối, bản mới được điều chỉnh chia tách, sáp nhập, thành lập mới theo quyết định của cấp có thẩm quyền phải được tiến hành phân loại theo quy định của Quyết định này; trường hợp chưa được thẩm định phân loại thì tạm xếp loại 3 cho đến khi được cấp có thẩm quyền quyết định phân loại;

c) Thẩm quyền, quy trình và hồ sơ điều chỉnh phân loại xóm, khối, bản thực hiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Quyết định này.

Điều 5. Xử lý vi phạm.

a) Các tổ chức, cá nhân có hành vi làm sai lệch hồ sơ, tài liệu trong quá trình xây dựng số liệu về các tiêu chí phân loại xóm, khối, bản hoặc làm trái với quy định tại Quyết định này thì tuỳ theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật;

b) Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 8 năm 2018. Bãi bỏ Quyết định số 84/2010/QĐ-UBND ngày 27/10/2010 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc quy định phân loại xóm, khối, bản trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 28/02/2011 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc sửa đổi điểm b, c khoản 2, Điều 2 Quyết định số 84/2010/QĐ - UBND.

Điều 7. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng ban, ngành, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Lê Xuân Đại